

Số:

Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Một số nội dung phục vụ Phiên họp thường kỳ**  
**Ủy ban nhân dân xã tháng 5 năm 2026**

Thực hiện Thông báo số 88/TB-UBND ngày 22/5/2026 của UBND xã Tu Mơ Rông về việc Thông báo Về nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức Phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân xã tháng 5 năm 2026,

Phòng Kinh tế xã báo cáo một số nội dung như sau:

**A. KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI:**

Hoạt động kiểm kê đất đai được thực hiện định kỳ 05 năm một lần, đối với kiểm kê đất đai kỳ gần nhất là năm 2024, đã thực hiện kiểm kê đất đai 02 xã Tu Mơ Rông (cũ) và xã Đăk Hà (cũ) trước khi sát nhập. Sau khi sát nhập đơn vị hành chính, đơn vị tư vẫn có thực hiện tổng hợp diện tích, số liệu của 2 xã cũ đã được kiểm kê, cụ thể:

Tổng diện tích tự nhiên của xã đến ngày 31/12/2024 là 15.230,20 ha.

*Trong đó:*

- Đất nông nghiệp: 14.406,18 ha chiếm 94,59% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 693,42 ha chiếm 0,64% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 130,60 ha, chiếm 0,86% tổng diện tích đất tự nhiên.

**I. Nhóm đất nông nghiệp (NNP):**

Được thể hiện qua Biểu số: 01/TKKK, 04/TKKK cho thấy tổng diện tích đất nông nghiệp toàn xã là 14.406,18 ha chiếm 94,59% so với tổng diện tích tự nhiên. *Trong đó:*

**1. Đất trồng cây hằng năm (CHN):** 3.685,57ha chiếm 24,20% so với DTTN;

**1.1 Đất trồng lúa (LUA):** 121,69 ha chiếm 0,80% so với DTTN;

- Đất chuyên trồng lúa (LUC): 90,03 ha chiếm 0,59% so với DTTN;

- Đất trồng lúa còn lại (LUK): 31,66 ha chiếm 0,21% so với DTTN;

**1.2. Đất trồng cây hằng năm khác (HNK):** 3.563,88 ha chiếm 23,40% so với DTTN;

**2. Đất trồng cây lâu năm (CLN):** 777,70 ha chiếm 5,11% so với DTTN;

**3. Đất lâm nghiệp (LNP):** 9.939,78 ha chiếm 65,26% so với DTTN;

**3.1. Đất rừng đặc dụng (RDD):** Địa bàn xã không có diện tích đất rừng đặc dụng.

**3.2. Đất rừng phòng hộ (RPH):** 2.804,99 ha chiếm 18,42% so với DTTN;

**3.3. Đất rừng sản xuất (RSX):** 7.134,79 ha chiếm 46,85 % so với DTTN;

*Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (RSN): 6.169,40 ha, chiếm 40,51 % so với DTTN;*

**4. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):** 3,13ha, chiếm 0,02% so với DTTN;

## **II. Nhóm đất phi nông nghiệp (PNN):**

Được thể hiện qua Biểu số: 01/TKKK, 04/TKKK cho thấy tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn xã là 693,42 ha chiếm 4,55% so với tổng diện tích tự nhiên. *Trong đó:*

**1. Đất ở (OTC):** 96,79 ha chiếm 0,64% so với DTTN;

- Đất ở tại nông thôn (ONT): 96,79 ha chiếm 0,64% so với DTTN;

**2. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):** 7,80 ha, chiếm 0,05% so với DTTN;

**3. Đất quốc phòng, an ninh (CQA):** 2,13 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

3.1. Đất quốc phòng (CQP): 1,48 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

3.2. Đất an ninh (CAN): 0,65 ha, chiếm 0,00% so với DTTN;

**4. Đất xây dựng công trình sự nghiệp (DSN):** 19,25 ha, chiếm 0,13% so với DTTN;

4.1. Đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH): 2,86 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;

4.2. Đất xây dựng cơ sở y tế (DYT): 2,54 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;

4.3. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD): 12,81 ha, chiếm 0,08% so với DTTN;

4.4. Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (DTT): 0,08 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

4.5. Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (DSK): 88,01 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

**5. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (CSK):** 5,68 ha, chiếm 0,04% so với DTTN;

5.1. Đất thương mại, dịch vụ (TMD): 0,28 ha, chiếm 0,001% so với DTTN;

5.2. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): 4,64 ha, chiếm 0,03% so với DTTN;

5.3. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS): 0,77 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

**6. Đất sử dụng vào mục đích công cộng (CCC):** 363 ha chiếm 2,39% so với DTTN;

6.1. Đất công trình giao thông (DGT): 187,21 ha chiếm 1,23% so với DTTN;

6.2. Đất công trình thủy lợi (DTL): 10,29 ha chiếm 0,07% so với DTTN;

6.3. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (DDD): 0,00 ha, chiếm 0,00% so với DTTN;

6.4. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (DNL): 162,36 ha, chiếm 1,07% so với DTTN;

6.5. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (DBV): 0,06 ha, chiếm 0,0001% so với DTTN;

6.6. Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối (DCH): 1,91 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

6.7. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (DKV): 0,74 ha, chiếm 0,0001% so với DTTN;

**7. Đất tôn giáo (TON):** Địa bàn xã không có diện tích đất tôn giáo.

**8. Đất tín ngưỡng (TIN):** 2,44 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;

**9. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt (NTD):** 7,35 ha, chiếm 0,05% so với DTTN;

**10. Đất có mặt nước chuyên dùng (TVC):** 188,50 ha chiếm 1,24% so với DTTN;

10.1. Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá (MNC): 27,71 ha, chiếm 0,18% so với DTTN;

10.2. Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): 160,80 ha chiếm 1,06% so với DTTN;

**III. Nhóm đất chưa sử dụng (CSD): 130,60 ha, chiếm 0,86% so với DTTN;**

1. Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê (CGT): 000 ha, chiếm 0,00% so với DTTN;

2. Đất bằng chưa sử dụng (BCS): 00 ha, chiếm 0,00% so với DTTN;

3. Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS): 130,60 ha, chiếm 0,86% so với DTTN.

#### **B. BÓC TÁCH CÁC DIỆN TÍCH ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ:**

Nhằm thực hiện rà soát và bóc tách cụ thể diện tích của Ban quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông, Phòng Kinh tế đã tham mưu UBND xã mời các đơn vị Ban Quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông, Hạt Kiểm lâm khu vực V, thôn trưởng thực hiện Kiểm tra các vị trí cắm mốc ranh giới, các vị trí giáp ranh, đất chồng lấn của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông với đất canh tác của người dân. Qua đó đã kiểm tra trên địa bàn 2 thôn Đắk Neang và Văn Sang. Cụ thể

- Đối với 1.023 ha trả về Ban quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông đã thực hiện cắm mốc ngoài thực địa, trong đó mốc cắm tại thôn Đắk Neang 12 cột mốc, mốc cắm tại thôn Văn Sang là 27 mốc.

- Đối với một số diện tích đất còn chồng lấn của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông với đất canh tác của người dân rà soát khoảng 236 ha tại 3 tiểu khu 262, 263, 264. Tuy nhiên diện tích này chưa xác định được tên từng hộ.

Trong thời gian tới Phòng sẽ tham mưu UBND xã đề nghị Ban Quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông rà soát và cắm thêm các mốc giới ngoài thực địa để phân định

rõ ràng ranh giới diện tích trả về địa phương và diện tích đất BQL rừng phòng hộ; Đối với diện tích còn chồng lấn sẽ phối hợp với BQL rừng phòng hộ, thôn trưởng và các hộ xác định rõ tên từng hộ, đồng thời tiếp tục thực hiện rà soát tại 2 thôn Đăk Ka và Tu Cấp, từ đó đề xuất bóc tách trả về địa phương theo quy định.

### **C. VỀ GIAO ĐẤT CHO CỘNG ĐỒNG THÔN ĐẮK CHUM 1:**

Nội dung chỉ đạo về giao đất cho cộng đồng thôn Đăk Chum 1 Phòng chưa hiểu rõ ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo xã, kiến nghị lãnh đạo có ý kiến chỉ đạo cụ thể hơn để phòng thực hiện.

### **D TIỀN ĐỘ CẤP BÌA ĐỎ CHO NHÂN DÂN VÀ TÌNH HÌNH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐO ĐẠC LẬP, CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH VÀ HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI THEO KẾ HOẠCH 128/KH-UBND NGÀY 10/4/2026 CỦA UBND TỈNH.**

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh, Phòng đã tham mưu UBND ban hành kế hoạch triển khai; thành lập Ban chỉ đạo, Tổ công tác; kế hoạch tuyên truyền để triển khai thực hiện<sup>1</sup>

Hiện Phòng đã thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn để tham mưu UBND xã triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

### **E. VỊ TRÍ, TIẾN ĐỘ ĐẤU GIÁ ĐẤT TẠI KHU TRUNG TÂM:**

#### **I. Kết quả rà soát:**

**Vị trí 1:** Thôn Kon Tun, xã Tu Mơ Rông (*Giáp đất ông Võ Trung Mạnh*)

- Tổng diện tích: 175 m<sup>2</sup> (*Một trăm bảy mươi lăm mét vuông*)
- Tổng số lô dự kiến: 1 lô/175 m<sup>2</sup>/lô.
- Về quy hoạch sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Về quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính, chính trị huyện lỵ (*cũ*): Không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm Hành chính - Chính trị huyện được phê duyệt năm 2006 (*thuộc đất giao thông*).
- Về hiện trạng rừng kiểm kê năm 2014 và diễn biến rừng năm 2021: Đất trống không có rừng.

**Vị trí 2:** Thôn Kon Tun, xã Tu Mơ Rông (*Lô 2 sau đất ông Nguyễn Đình Sùng*)

- Tổng diện tích: 420 m<sup>2</sup> (*Bốn trăm hai mươi mét vuông*)

---

<sup>1</sup> - Quyết định số 320/QĐ-UBND(CT) ngày 16/4/2026 của UBND xã Tu Mơ Rông về việc Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

- Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 17/4/2026 của UBND xã Tu Mơ Rông Triển khai thực hiện công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn xã Tu Mơ Rông

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 21/5/2026 của UBND xã Tu Mơ Rông Về tuyên truyền triển khai thực hiện công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn xã Tu Mơ Rông

- Tổng số lô dự kiến: 2 lô/210 m<sup>2</sup>/lô.
- Về quy hoạch sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Về quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính, chính trị huyện lỵ (cũ): Không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm Hành chính - Chính trị huyện được phê duyệt năm 2006 (*thuộc diện tích đất mặt nước*).
- Về hiện trạng rừng kiểm kê năm 2014 và diễn biến rừng năm 2021: Đất trống không có rừng.

**Vị Trí 3:** Thôn Đăk Siêng, xã Tu Mơ Rông (*Giáp bến xe huyện Tu Mơ Rông cũ*)

- Tổng diện tích: 2.975 m<sup>2</sup> (*Hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm mét vuông*)
- Tổng số lô dự kiến: 17 lô/175 m<sup>2</sup>/lô.
- Về quy hoạch sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Về quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính, chính trị huyện lỵ (cũ): Không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm Hành chính - Chính trị huyện được phê duyệt năm 2006 (*thuộc diện tích đất cây xanh*).
- Về hiện trạng rừng kiểm kê năm 2014 và diễn biến rừng năm 2021: Đất trống không có rừng.

**Vị trí 4:** Thôn Kon Tun, xã Tu Mơ Rông (*Bên cạnh Công an xã*)

- Tổng diện tích: 4.000 m<sup>2</sup> (*Bốn nghìn mét vuông*)
- Tổng số lô dự kiến: 25 lô/160 m<sup>2</sup>/lô.
- Về quy hoạch sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Về quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính, chính trị huyện lỵ (cũ): Không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm Hành chính - Chính trị huyện được phê duyệt năm 2006 (*thuộc diện tích đất mặt nước*).
- Về hiện trạng rừng kiểm kê năm 2014 và diễn biến rừng năm 2021: Đất trống không có rừng.

**Vị trí 5:** Thôn Mô Pả, xã Tu Mơ Rông (*Đối diện trường bán trú*)

- Tổng diện tích khoảng: 4.000 m<sup>2</sup> (*Bốn nghìn mét vuông*)
- Tổng số lô dự kiến khoảng: 20 lô/200 m<sup>2</sup>/lô.
- Về quy hoạch sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Về quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính, chính trị huyện lỵ (cũ): Đất ở nông thôn
- Hiện trạng: Không có đường phía sau

## **II. Về thực hiện đấu giá QSD đất:**

- Trên cơ sở kết quả rà soát, hiện tại các vị trí đất nêu trên theo quy hoạch chi tiết khu trung tâm huyện lỵ huyện Tu Mơ Rông (*cũ-vẫn còn hiệu lực*) chưa

được quy hoạch đất ở nông thôn và đất ở đô thị, cho nên hiện tại chưa thể xây dựng phương án đấu giá QSD đất.

- Đối với vị trí 5 hiện tại không có tuyến đường giao thông nên không có cơ sở phân lô đất ở để thực hiện đấu giá QSD đất.

Phòng Kinh tế xã báo đề Văn phòng HĐND-UBND xã biết, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT- PKT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thuận Hóa**